

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Anh Liêm.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Trần Thị Xuân Hiệp; Phó Ban dân vận huyện H;

2. Bà Lê Thị Chính; Phó Chủ tịch Hội LHPN huyện H;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn An Thành, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, được bổ sung tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Văn T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 26/8/2009.

Sau khi kết hôn, anh T, chị H sinh sống tại nhà cha mẹ chị H thuộc thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Khoảng một năm sau đó, anh chị chuyển về nhà anh T thuộc thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Thời gian này, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên năm 2019 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau.

Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung tên Dương Văn S, sinh ngày 06/02/2010. Từ khi sống ly thân, cháu Vinh do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện nay, chị H không có việc làm ổn định nên chị đồng ý giao cháu Vinh cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Dương Văn T nhưng anh T trốn tránh, không lên Tòa án để làm việc nên không thể tiến hành ghi lời khai, ý kiến của anh T.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T; về con chung: giao cháu Dương Văn S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn T; Anh T có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Theo biên bản xác minh ngày 09/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H,

tỉnh Quảng Nam xác định: Anh Dương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh T để làm việc nhưng không gặp. Vì vậy, không thể tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 09/6/2023, anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Đối với chị Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên có thể tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 26/8/2009. Khi kết hôn chị H và anh T tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà chị H khoảng 01 năm thì anh chị chuyển đến nhà anh T thuộc thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam sinh sống. Thời gian này, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên năm 2019 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân; các bên không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện anh T không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay, chị H nhận thấy không còn tình cảm, không quan tâm đến anh T nữa.

Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và Phúc không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Văn S, sinh ngày 06/02/2010. Xét thấy, từ khi vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống; anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vinh. Hiện nay, cháu Vinh đang có cuộc sống ổn định cùng anh T. Hơn nữa, chị H cũng đồng ý giao cháu Vinh cho anh T nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu Vinh cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không thể hiện yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh T có quyền khởi kiện vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82 Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H đối với anh Dương Văn T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Dương Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Dương Văn S, sinh ngày 06/02/2010 cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đoàn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006678 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam. Chị H đã nộp đủ án phí.

[5] Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Q, huyện Q;
(GCNKH số 57 ngày 26/8/2009)
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Liêm